TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC KẠN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 35/2017/QĐST - HNGĐ	*Bắc Kạn, ngày 07 tháng 6 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 36/2017/TLST/HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lương Thị T -** Sinh năm 1992. Trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn: Anh **Trương Quang T -** Sinh năm 1993. Trú tại: Tổ A, phường B, thành phố C, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị T và anh Trương Quang T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T và anh Trương Quang T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Trương Thị Phương T sinh ngày 13 tháng 01 năm 2015 cho chị Lương Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

**** Về cấp dưỡng nuôi con chung***: Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Lương Thị T và anh Trương Quang T không có tài sản chung, vay nợ chung.

**** Về án phí***: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lương Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị T đã nộp theo biên lai số 05158, ngày 16/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn. Chị T được trả lại số tiền án phí chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự."

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TA tỉnh BK + BBHG;
- VKSNDTPBK;
- CC THADSTPBK;
- UBND xã Lam Sơn – Na Rì;
(Nơi đăng ký kết hôn)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Đặng Đình Hưng